TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:219/2025/DS-ST
Ngày: 21-07-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Từ Anh Tuấn;

2. Bà Trần Thị Ngọc .

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Tường Vy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểmnhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa**:* Ông Lê Thanh T - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 19/2025/TLST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyếtđưa vụ án ra xét xử số:127/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- Ngân hàng TMCP Q; Địa chỉ: Tầng A (tầng trệt) và tầng 2, tòa nhà S P, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Cao Thanh T1, sinh năm 1998, thường trú: ấp T, xã C, tỉnh Đồng Tháp; tạm trú: 488/9 đường C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 28/5/2025), có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Chí T2, sinh năm 1978 và bà Võ Thị Mỹ T3, sinh năm 1986; cùng địa chỉ: số D, đường K, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh), ông T3 vắng mặt, bà T3 có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Cháu Nguyễn Thanh T4, sinh 23/5/2004; địa chỉ: số D, đường K, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh), có mặt.

2. Cháu Nguyễn Thanh H, sinh năm 2013 và cháu Nguyễn Chí T5 sinh ngày 19/02/2018, cùng trú tại: số D, đường K, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương(nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh), người đại diện theo pháp luật của cháu H và T5 là ông Nguyễn Chí T2, sinh năm 1978 và bà Võ Thị Mỹ T3, bà T3 có mặt, ông T3 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 10/10/2024 lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn ông Cao Thanh T1 trình bày:

Ngân hàng TMCP Q (V) đã ký với ông Nguyễn Chí T2 và bà Võ Thị Mỹ T3 các Hợp đồng tín dụng như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 7758539.22 ngày 02/06/2022 với số tiền 3.000.000.000 đồng, thời hạn vay 312 tháng, lãi suất vày 9.9%/năm; ngày 13/06/2022, V đã giải ngân cho ông Nguyễn Chí T2 và bà Võ Thị Mỹ T3 theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 7758539(1).22 với số tiền 3.000.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với nội dung thỏa thuận đã ký tại hợp đồng tín dụng.

- Hợp đồng tín dụng số 8369947.23 ngày 17/06/2023 với số tiền 2.330.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất vay: 10.5%/năm. Ngày 17/06/2023, V đã giải ngân cho ông Nguyễn Chí T2 và bà Võ Thị Mỹ T3 theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 8369947(1).23 với số tiền 2.330.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với nội dung thỏa thuận đã ký tại hợp đồng tín dụng.

- Hợp đồng tín dụng số 2105466.24 ngày 11/01/2024 với số tiền 456.500.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất vay: 12%/năm. Ngày 12/01/2024, V đã giải ngân cho ông Nguyễn Chí T2 và bà Võ Thị Mỹ T3 theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 2105466(1).24 với số tiền 456.500.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với nội dung thỏa thuận đã ký tại hợp đồng tín dụng.

Tạm tính đến ngày 05/02/2025, ông Nguyễn Chí T2 và bà Võ Thị Mỹ T3 đã trả cho V tổng số tiền là 1.030.604.634 đồng (trong đó: gốc là 231.210.207 đồng, lãi là 799.394.427 đồng).

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Chí T2 và bà Võ Thị Mỹ T3 đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp đã ký, khoản vay đã quá hạn thanh toán từ ngày 17/06/2024 và là nợ xấu theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 31/2024/TT-NHNN của Ngân hàng N.

Nay Ngân hàng TMCP Q khởi kiện và yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Chí T2 và bà Võ Thị Mỹ T3 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền tạm tính đến ngày 21/7/2025 là 6.908.161.165 đồng, (trong đó: nợ gốc: 5.555.189.793 đồng; lãi trong hạn: 343.235.518 đồng; lãi quá hạn: 1.009.735.854 đồng)

Tiền lãi tiếp tục tính từ ngày 22/7/2025 cho đến khi ông Nguyễn Chí T2 và bà Võ Thị Mỹ Thanh thanh T6 xong nợ cho Ngân hàng TMCP Q theo mức lãi suất thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Trong trường hợp ông Nguyễn Chí T2 và bà Võ Thị Mỹ T3 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q1, đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 4433, tờ bản đồ số 52, địa chỉ: khu phố T, phường D, thị xã D (nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL524474, số vào số cấp GCN: CS17723 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 08/04/2019, cập nhật biến động ngày 04/05/2021, đứng tên ông Nguyễn Chí T2 và bà Võ Thị Mỹ T3.

- Trường hợp phát mại tài sản bảo đảm không đủ trả nợ thì ông Nguyễn Chí T2 và bà Võ Thị Mỹ T3 tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán cho đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng TMCP Q.

Bị đơn bà Võ Thị Mỹ T3 trình bày: bà đồng ý với yêu cầu khởi của Ngân hàng TMCP Q. Vợ chồng bà có ký các hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Q như trình bày của đại diện nguyên đơn. Các hợp đồng tín dụng bà ký kết với Ngân hàng TMCP Q thì được phía Ngân hàng giải ngân các khoản vay theo các khế ước nhận nợ được ký kết và Ngân hàng giải ngân khoản vay đúng với hợp đồng mà vợ chồng bà ký kết với Ngân Hàng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vợ chồng bà đã trả được cho VIB số tiền tổng cộng là 1.030.604.634 đồng (trong đó: gốc là 231.210.207 đồng, lãi là 799.394.427 đồng). Kể từ ngày 17/06/2024 đến nay thì do gia đình gặp nhiều khó khăn nên không thể thanh toán được cho Ngân hàng.

Để đảm bảo cho khoản vay thì vợ tôi đã thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 4433, tờ bản đồ số: 52, địa chỉ: khu phố T, phường D, thị xã D (nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CL524474, số vào sổ cấp GCN: CS17723 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 08/04/2019, cập nhật biến động ngày 04/05/2021, đứng tên Ông Nguyễn Chí T2 và Bà Võ Thị Mỹ T3". Tài sản này được thể chấp tại VIB theo Hợp đồng thế chấp số công chứng: 011460, Quyển số: 05/2022 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C, tỉnh Bình Dương công chứng ngày 07/06/2022 và toàn bộ tài sản là nhà ở có kết cấu xây dựng gồm 5 tầng, tầng 1 diện

tích sàn là 60.0m^2, tầng 2, 3 diện tích sàn 129.6m^2, tầng 4 diện tích sàn 45.4m^2 và tầng 5 là 20.9m^2 và nhà tạm công trình phụ trên đất là tài sản riêng của vợ chồng bà.

Nay ngân hàng khởi kiện và yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà phải thanh toán toàn bộ các khoản nợ gốc và lãi theo các hợp đồng đã được ký kết thì bà đồng ý.

Căn nhà trên hiện do vợ chồng bà và 03 con sinh sống bao gồm: Nguyễn Thanh T4, sinh 23/5/2004, cháu Nguyễn Thanh H, sinh năm 2013 và cháu Nguyễn Chí T5 sinh ngày 19/02/2018, các cháu là con của ông bà, nhà đất là tài sản riêng của vợ chồng không liên quan gì đế các con. Các tài sản được liệt kê tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An đều là tài sản của vợ chồng và do vợ chồng quản lý sử dụng.

Bị đơn ông Nguyễn Chí T2 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, tại bản tự khai ngày 13/02/2025 ông T2 trình bày: Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q. Nguyên nhân của việc chậm trễ trả tiền cho ngân hàng là do ông đầu tư phá sản, hiện nay ông cũng đang rất tích cực thu hồi công nợ để thanh toán cho ngân hàng. Do ông đi công tác xa nên vợ ông là bà Võ Thị Mỹ T3 sẽ toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến tranh chấp nói trên.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cháu Nguyễn Thanh T4*: Cháu T4 con ông Nguyễn Chí T2 và bà Võ Thị Mỹ T3, hiện nay đang cư trú cùng cha mẹ tại số nhà A đường K, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Đối với hợp đồng tín dụng mà cha mẹ cháu đã ký với ngân hàng Q cháu không có ý kiến gì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện hợp pháp của hai cháu*: Nguyễn Thanh H, sinh năm 2013 và cháu Nguyễn Chí T5 sinh ngày 19/02/2018 ông T3 và bà T3 thống nhất với lời trình bày của mình với tư cách là bị đơn và không trình bày gì thêm.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*:

+ Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt của đương sự: bị đơn ông Nguyễn Chí T2 vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Chí T2.

[2] Về nghĩa vụ thanh toán nợ: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q đối với vợ chồng ông Nguyễn Chí T2 và bà Võ Thị Mỹ T3 về việc buộc thanh toán khoản nợ phát sinh từ các hợp đồng tín dụng đã ký kết, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác nhận: Ngân hàng và vợ chồng ông Nguyễn Chí T2, bà Võ Thị Mỹ T3 đã lần lượt ký kết 03 Hợp đồng tín dụng với tổng số tiền vay là 5.786.500.000 đồng. Cụ thể: hợp đồng số 7758539.22 ngày 02/6/2022, số tiền vay: 3.000.000.000 đồng, thời hạn 312 tháng; lãi suất vay: 9.9%/năm; hợp đồng số 8369947.23 ngày 17/6/2023, số tiền vay: 2.330.000.000 đồng, thời hạn 24 tháng; lãi suất vay: 10.5%/năm; hợp đồng số 2105466.24 ngày 11/01/2024, số tiền vay: 456.500.000 đồng, thời hạn 60 tháng; lãi suất vay: 12%/năm. Việc ký kết và giải ngân các khoản vay đều đúng trình tự, thủ tục, phù hợp nội dung các hợp đồng đã ký.

Bị đơn bà Võ Thị Mỹ T3 tại phiên tòa xác nhận vợ chồng bà có ký các hợp đồng vay với nguyên đơn và đã nhận đủ tiền theo từng khế ước nhận nợ. Trong quá trình thực hiện, vợ chồng bà đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 1.030.604.634 đồng (trong đó tiền gốc là 231.210.207 đồng, tiền lãi là 799.394.427 đồng). Kể từ ngày 17/6/2024 đến nay, do hoàn cảnh khó khăn, bị đơn không còn khả năng thanh toán. Bị đơn đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có ý kiến gì về tài sản thế chấp.

Xét thấy, các hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên là hợp pháp, thể hiện sự tự nguyện, thỏa thuận của các bên, nội dung không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Do đó, các hợp đồng này có hiệu lực pháp luật và ràng buộc trách nhiệm giữa các bên. Việc vợ chồng ông Nguyễn Chí T2, bà Võ Thị Mỹ T3 không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán như cam kết trong hợp đồng là hành vi vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngân hàng có quyền yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ bao gồm cả gốc và lãi theo quy định của pháp luật. Tính đến ngày 21/7/2025, tổng dư nợ tạm tính mà bị đơn còn phải thanh toán cho nguyên đơn là 6.908161.165 đồng, (trong đó: nợ gốc: 5.555.189.793 đồng; lãi trong hạn: 343.235.518 đồng; lãi quá hạn: 1.009.735.854 đồng). Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được bị đơn thừa nhận và chấp nhận nên thuộc trường hợp không cần phải chứng minh theo quy định tại theo quy định khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về tài sản bảo đảm: Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ, vợ chồng bị đơn đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 4433, tờ bản

đồ số: 52, địa chỉ: khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CL524474, số vào sổ cấp GCN: CS17723 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 08/04/2019, cập nhật biến động sang tên ông Nguyễn Chí T2 và bà Võ Thị Mỹ T3 ngày 04/05/2021 và toàn bộ tài sản là nhà ở có kết cấu xây dựng gồm 5 tầng, tầng 1 diện tích sàn là 60.0m^2, tầng 2, 3 diện tích sàn 129.6m^2, tầng 4 diện tích sàn 45.4m^2 và tầng 5 là 20.9m^2 và công trình phụ theo Hợp đồng thế chấp số công chứng: 011460, Quyển số: 05/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/06/2022 được công chứng tại Văn phòng C và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định của pháp luật. Đây là tài sản chung hợp pháp của vợ chồng bị đơn, không phát sinh tranh chấp, được các bên xác nhận rõ trong quá trình tố tụng.

Theo quy định tại các Điều 318, 319 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), bên nhận thế chấp có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp bên vay vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản bảo đảm là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về quyền cư trú của các thành viên trong gia đình: Mặc dù căn nhà hiện là nơi ở của vợ chồng bị đơn và ba người con, trong đó có hai con chưa thành niên, tuy nhiên, theo khoản 1 Điều 7 Nghị định 21/2021/NĐ-CP, tài sản chung của vợ chồng được quyền đem thế chấp nếu có sự thống nhất, không cần sự đồng ý của con chưa thành niên. Do đó, việc thế chấp là hợp pháp và không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của người thứ ba.

[5] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 91, 147, 157, 227, 228, 271, 273 Bộ luật ố"tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, 299; 318; 323; 357, 372; 373; 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Các Điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban ường"thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q đối với bị đơn ông Nguyễn Chí T2 và bà Võ Thị Mỹ T3 về việc "tranh chấp hợp đồng tín dụng".

- Buộc ông Nguyễn Chí T2 và bà Võ Thị Mỹ T3 có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q theo các hợp đồng tín dụng số 7758539.22 ngày 02/06/2022; hợp đồng tín dụng số 8369947.23 ngày 17/06/2023 và hợp đồng tín dụng số 2105466.24 ngày 11/01/2024 tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 21/7/2025 tổng cộng: 6.908161.165 đồng, (trong đó: nợ gốc: 5.555.189.793 đồng; lãi trong hạn: 343.235.518 đồng; lãi quá hạn: 1.009.735.854 đồng).

Tiền lãi tiếp tục tính từ ngày 22/7/2025 cho đến khi ông Nguyễn Chí T2 và bà Võ Thị Mỹ T3 trả xong các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Q theo mức lãi suất thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

2. Về xử lý tài sản bảo đảm: Trong trường hợp ông Nguyễn Chí T2 và bà Võ Thị Mỹ T3 không trả nợ thì Ngân hàng TMCP Q được quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 4433, tờ bản đồ số 52, địa chỉ: khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và toàn bộ tài sản khác gắn liền với đất số CL524474, số vào số cấp GCN: CS17723 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 08/04/2019, cập nhật biến động ngày 04/05/2021, đứng tên ông Nguyễn Chí T2 và bà Võ Thị Mỹ T3. Số tiền phát mại tài sản thế chấp được dùng để trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q sau khi trừ đi chi phí phát mại tài sản theo quy định.

- Trường hợp giá trị tài sản phát mại sau khi trừ đi chi phí phát mại theo quy định không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q thì ông Nguyễn Chí T2 và bà Võ Thị Mỹ T3 tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q cho đến khi trả hết nợ.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Chí T2 và bà Võ Thị Mỹ T3 phải chịu 114.908.161 (một trăm mười bốn triệu chín trăm lẽ tám nghìn một trăm sáu mốt) đồng. Phòng Thi hành án dân sự khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q 57.044.641 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007646 ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh).

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh (Cơ sở 2);
- VKSND khu vực 16;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 16;
- Các đương sự;
- Lưu văn thư; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hà